UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ CỤ THỂ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC; TIÊU CHÍ CHUNG VÀ TIÊU CHÍ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 335/2025/NĐ-CP NGÀY 21 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG CHỨC

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
I. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH		
- Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ[1] quy định: *"...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quy định cụ thể các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ để áp dụng thống nhất trong phạm vi quản lý".* - Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP quy định cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ của cơ quan quản lý	**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.	Việc ban hành Quy định về tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố là cần thiết, nhằm cụ thể hóa các quy định của Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn thành phố.

[1] Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
công chức có trách nhiệm: *"Tổng hợp Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi của các đơn vị thuộc, trực thuộc; rà soát, loại bỏ các sản phẩm/công việc trùng lặp; chuẩn hóa thành Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi áp dụng chung cho cơ quan, trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức[2] xem xét, quyết định".* - Điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm: *"Chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng và ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức thuộc phạm vi quản lý; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, gồm: Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản*		

[2] Tại điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 300/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ) quy định:*"2. Cơ quan quản lý công chức, bao gồm: g) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương".*

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
phẩm/công việc chuẩn và Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi của cơ quan...”.		
Khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15) quy định: “*Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó ... không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương*”.	**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày … tháng … năm 2027.	Dự kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành Quyết định trong tháng 12 năm 2026; Quyết định có hiệu lực áp dụng từ năm 2027 trở đi (sau 10 ngày kể từ ngày Quyết định được ký ban hành theo quy định).
II. DỰ THẢO QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH		
Điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm: *“Chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng và ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức thuộc phạm vi quản lý; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, gồm: Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn và Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi của cơ quan...”*.	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Quy định này quy định về tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.	Thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP; tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện đồng bộ quy định về tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức trên địa bàn thành phố.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
- Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP quy định Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau: *"b) Ở địa phương:* *Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;* *Phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;* *Ủy ban nhân dân cấp xã;* *Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã".* - Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP quy định: *"2. Nghị định này áp dụng đối với công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã".*	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** 1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, gồm: a) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. b) Phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. c) Ủy ban nhân dân xã, phường. d) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường. 2. Công chức làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này.	Thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP, đồng thời cụ thể hóa đối tượng áp dụng trên địa bàn thành phố phù hợp với phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.
Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP: **Điều 6. Tiêu chí chung** Tiêu chí chung được chấm tối đa là 30 điểm (trong thang điểm 100), bao gồm:	**Điều 3. Tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức** Tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.	- Quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
1. Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường. 2. Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức. 3. Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế		- Quy định khung điểm cụ thể đối với từng tiêu chí của nhóm tiêu chí chung và nhóm tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ, tương ứng với từng mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công việc được đánh giá, gồm: hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành và chưa hoàn thành.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có). **Điều 7. Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ** 1. Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được chấm tối đa là 70 điểm (trong thang điểm 100), bao gồm: a) Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật. b) Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh. c) Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản. d) Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có).		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
đ) Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có). e) Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. g) Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có). h) Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có). 2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quy định cụ thể các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ để áp dụng thống nhất trong phạm vi quản lý.		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP: **Điều 13. Phương pháp xác định tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** 1. Người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức hoặc người đứng đầu cơ quan trực tiếp sử dụng công chức: a) Thống kê hoặc tổ chức việc thống kê các nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc đầu ra đã thực hiện trong 01 năm; trên cơ sở đó thực hiện việc rà soát, loại bỏ các nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc trùng lặp, không rõ kết quả đầu ra (nếu có), phân loại tối đa thành 05 nhóm theo cấp độ phức tạp của vị trí việc làm, tổng hợp thành Danh mục nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc của đơn vị mình (sau đây gọi tắt là Danh mục sản phẩm/công việc). b) Trên cơ sở Danh mục sản phẩm/công việc tại điểm a khoản này, phân tích và đề xuất Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn của đơn vị mình. c) Căn cứ Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, đề xuất việc quy đổi nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc đầu ra của đơn vị mình về	**Điều 4. Tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức** 1. Danh mục sản phẩm/công việc được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này. 2. Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này. 3. Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy định này.	Trên cơ sở Thông tư của các bộ, ngành Trung ương và quyết định của cấp có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, căn cứ Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn và Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi do các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, Sở Nội vụ thực hiện tổng hợp, rà soát, loại bỏ các sản phẩm/công việc trùng lặp, chuẩn hóa và xây dựng danh mục áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố. Cụ thể: **1. Danh mục sản phẩm/công việc** Được xây dựng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của cấp có thẩm quyền và các quy định chuyên ngành có liên quan. Trên cơ sở đó, Sở Nội vụ tổng hợp, rà soát, loại bỏ các sản phẩm/công việc trùng lặp; chuẩn hóa tên gọi, nội dung và phạm vi thực hiện, bảo đảm danh mục đầy đủ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị,

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
đơn vị sản phẩm/ công việc chuẩn, tổng hợp thành Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi. d) Gửi Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn và Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi tới cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ. 2. Cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ của cơ quan quản lý công chức: Tổng hợp Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi của các đơn vị thuộc, trực thuộc; rà soát, loại bỏ các sản phẩm/công việc trùng lặp; chuẩn hóa thành Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi áp dụng chung cho cơ quan, trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức xem xét, quyết định. 3. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc mới ngoài Danh mục sản phẩm/công việc đã được quyết định thì người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức hoặc người đứng đầu cơ quan trực tiếp sử dụng công chức có trách nhiệm báo cáo cấp có		địa phương và thống nhất trong quá trình áp dụng. **2. Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn** Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn được xác định làm cơ sở quy đổi số lượng các sản phẩm/công việc trong danh mục của cơ quan, đơn vị, địa phương về một thước đo chung, nhằm lượng hóa khối lượng công việc và tạo cơ sở so sánh kết quả thực hiện nhiệm vụ của công chức. - Yêu cầu đối với đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn: + Có tính phổ biến, thường xuyên lặp lại trong thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị được thể hiện bằng tần suất thực hiện; +Có đầu ra, kết quả cụ thể; + Có tính đại diện để làm cơ sở quy đổi các sản phẩm/công việc còn lại. - Tiêu chí lựa chọn đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn: +Sản phẩm/công việc được thực hiện thường xuyên, có tần suất lớn (không phải sản phẩm phát sinh đột xuất hoặc chỉ xuất hiện ở một số thời điểm nhất định);

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
thẩm quyền quyết định để bổ sung cho phù hợp. **Điều 14. Đánh giá tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức** 1. Việc đánh giá tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức được thực hiện trên cơ sở so sánh giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn thành (đã quy đổi) với số lượng sản phẩm/công việc được giao (đã quy đổi) hằng tháng hoặc quý. 2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua số lượng, chất lượng và tiến độ của sản phẩm/công việc: a) Số lượng: Xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn thành (đã quy đổi) với số lượng sản phẩm/công việc được giao (đã quy đổi) thuộc nhiệm vụ trong tháng hoặc quý. b) Chất lượng: Xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn thành đạt yêu cầu về chất lượng nội dung (đã quy đổi) so với số lượng sản phẩm/công việc được giao (đã quy đổi) trong tháng hoặc quý. Trường hợp có sai sót lớn về nội dung ảnh		+ Sản phẩm/công việc có nhiều công chức cùng thực hiện hoặc hiện diện ở nhiều đơn vị; + Có quy trình xử lý và đầu ra rõ ràng, có thể lượng hóa được và không phụ thuộc quá nhiều vào yếu tố biến động hoặc ngoại lệ; + Nằm trong chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, dễ nhận biết và so sánh với các sản phẩm/công việc khác. Trên cơ sở các yêu cầu và tiêu chí nêu trên, Sở Nội vụ đề xuất lựa chọn sản phẩm/công việc thuộc Nhóm 1 làm đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn (tương ứng hệ số quy đổi bằng 1). Đây là nhóm công việc có mức độ phức tạp cơ bản, thuận lợi cho việc xác định hệ số quy đổi đối với các nhóm công việc còn lại. **3. Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi** - Hệ số quy đổi số lượng của sản phẩm/công việc: + Sản phẩm/công việc thuộc nhóm 1: Hệ số quy đổi bằng 1.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
hưởng đến chất lượng của sản phẩm/công việc thì mỗi lần đánh giá chưa đạt bị trừ 25% điểm chất lượng của sản phẩm/công việc đó, trừ trường hợp sai sót do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền xác nhận. c) Tiến độ: Xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn thành đạt tiến độ trở lên (đã quy đổi) so với số lượng sản phẩm/công việc được giao (đã quy đổi) trong tháng hoặc quý. Trường hợp không bảo đảm đúng tiến độ thì mỗi lần chậm bị trừ 25% điểm tiến độ của sản phẩm/công việc đó, trừ trường hợp sai sót do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền xác nhận.		+ Sản phẩm/công việc thuộc nhóm 2: Hệ số quy đổi bằng 2. + Sản phẩm/công việc thuộc nhóm 3: Hệ số quy đổi bằng 3. + Sản phẩm/công việc thuộc nhóm 4: Hệ số quy đổi bằng 4. ***Như vậy,*** việc phân nhóm và xác định hệ số quy đổi nhằm lượng hóa mức độ phức tạp, yêu cầu chuyên môn và khối lượng thực hiện của từng loại sản phẩm/công việc, làm cơ sở đánh giá tương quan giữa các nhiệm vụ có tính chất, mức độ khó khăn khác nhau. Theo đó, sản phẩm/công việc có mức độ phức tạp càng cao thì hệ số quy đổi càng lớn, góp phần bảo đảm việc đánh giá phản ánh tương xứng khối lượng, tính chất và giá trị công việc; khắc phục tình trạng công chức thực hiện nhiều công việc đơn giản được ghi nhận tương đương với công chức thực hiện các nhiệm vụ có yêu cầu chuyên môn sâu, mức độ phức tạp cao. - Hệ số quy đổi chất lượng của sản phẩm/công việc:

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
		+ Hoàn thành xuất sắc *(sản phẩm có chất lượng, hiệu quả vượt mức yêu cầu)*: Hệ số quy đổi bằng 1; + Hoàn thành tốt *(sản phẩm bảo đảm chất lượng, hiệu quả)*: Hệ số quy đổi bằng 0,9; + Hoàn thành *(sản phẩm có chất lượng, hiệu quả; tuy có sai sót nhỏ phải chỉnh sửa, bổ sung nhưng không ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu)*: Hệ số quy đổi bằng 0,8; + Hoàn thành nhưng chưa đạt chất lượng, hiệu quả *(có sai sót lớn về nội dung ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm, trừ trường hợp sai sót do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền xác nhận)*: . Hệ số quy đổi bằng 0,75 ở lần đánh giá chưa đạt thứ nhất; . Hệ số quy đổi bằng 0,5 ở lần đánh giá chưa đạt thứ hai; . Hệ số quy đổi bằng 0,25 ở lần đánh giá chưa đạt thứ ba;

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
		. Hệ số quy đổi bằng 0 ở lần đánh giá chưa đạt thứ tư hoặc đối với trường hợp tính đến thời điểm đánh giá thì công việc thuộc nhóm chưa hoàn thành. ***Như vậy,*** đối với trường hợp sản phẩm/công việc có sai sót lớn về nội dung, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm/công việc, việc xác định hệ số quy đổi được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP: mỗi lần đánh giá chưa đạt bị trừ 25% điểm chất lượng của sản phẩm/công việc đó, trừ trường hợp sai sót do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền xác nhận. Trên cơ sở quy định nêu trên, Sở Nội vụ đề xuất các mức hệ số quy đổi tương ứng với số lần đánh giá chưa đạt như trên nhằm cụ thể hóa mức độ giảm trừ điểm chất lượng, bảo đảm có căn cứ thống nhất trong quá trình đánh giá. - Hệ số quy đổi tiến độ của sản phẩm/công việc:

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
		+ Hoàn thành xuất sắc *(hoàn thành đầy đủ các nội dung nhiệm vụ; sản phẩm bảo đảm chất lượng, hiệu quả và trước thời hạn so với yêu cầu)*: Hệ số quy đổi bằng 1; + Hoàn thành tốt *(hoàn thành đầy đủ các nội dung nhiệm vụ; sản phẩm bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đúng thời hạn so với yêu cầu)*: Hệ số quy đổi bằng 0,9; + Hoàn thành nhưng không bảo đảm đúng tiến độ *(hoàn thành đầy đủ các nội dung nhiệm vụ; sản phẩm bảo đảm chất lượng, hiệu quả nhưng chậm tiến độ so với yêu cầu, trừ trường hợp sai sót do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền xác nhận):* . Hệ số quy đổi bằng 0,75 ở lần chậm tiến độ thứ nhất; . Hệ số quy đổi bằng 0,5 ở lần chậm tiến độ thứ hai; . Hệ số quy đổi bằng 0,25 ở lần chậm tiến độ thứ ba.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
		. Hệ số quy đổi bằng 0 ở lần chậm tiến độ thứ tư hoặc đối với trường hợp tính đến thời điểm đánh giá thì công việc thuộc nhóm chưa hoàn thành. ***Như vậy,*** đối với trường hợp sản phẩm/công việc hoàn thành nhưng không bảo đảm tiến độ, việc xác định hệ số quy đổi được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP: mỗi lần chậm tiến độ bị trừ 25% điểm tiến độ của sản phẩm/công việc đó, trừ trường hợp nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền xác nhận. Trên cơ sở quy định nêu trên, Sở Nội vụ đề xuất các mức hệ số quy đổi tương ứng với số lần chậm tiến độ nhằm cụ thể hóa mức độ giảm trừ điểm tiến độ, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.
Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP: *"1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:*	**Điều 5. Tổ chức thực hiện** 1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm:	- Phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức triển khai, thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng bảo đảm đúng đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí,

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
a) Chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng và ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức thuộc phạm vi quản lý; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, gồm: Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn và Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi của cơ quan, hoàn thành chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm 2026. *b) Tổ chức triển khai việc theo dõi, đánh giá công chức theo tháng hoặc quý, xếp loại chất lượng đối với tổ chức, công chức trong phạm vi quản lý, bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này; chủ động nghiên cứu thêm phương pháp theo dõi, đánh giá công chức phù hợp với đặc thù công việc, điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có).* *c) Kịp thời rà soát, điều chỉnh, cập nhật Danh mục sản phẩm/công việc trong trường hợp có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, vị trí việc làm.* *d) Xây dựng phần mềm theo dõi, đánh giá công chức quy định tại Nghị định này và kết nối, liên thông với phần mềm điều hành, quản*	a) Tổ chức triển khai việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức và công chức trong phạm vi quản lý bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 335/2025/NĐ-CP và Quy định này. b) Kịp thời rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Danh mục sản phẩm/công việc trong trường hợp phát sinh nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc mới ngoài Danh mục sản phẩm/công việc đã được quyết định, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương. c) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả triển khai, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. 2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm: a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy định này; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ	thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. - Giao Sở Nội vụ làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp, xử lý hoặc đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định pháp luật.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
lý văn bản và giao nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị để đồng bộ đầy đủ dữ liệu phục vụ công tác đánh giá, xếp loại chất lượng công chức. Thực hiện cập nhật, đồng bộ kết quả theo dõi, đánh giá công chức theo tháng hoặc quý và kết quả xếp loại chất lượng công chức hằng năm vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức chậm nhất 05 ngày sau khi có kết quả. *đ) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả triển khai, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Bộ Nội vụ để theo dõi và tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.* *e) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý xây dựng và ban hành Quy chế tiền thu nhập tăng thêm, tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị gắn với việc theo dõi, đánh giá hàng tháng hoặc quý và xếp loại chất lượng hằng năm".*	chức và công chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố. b) Theo dõi, rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.	